TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ DANH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Nguyệt phúc**

Bản án số: 174/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25/3/2020
V/v ly hôn giữa bà N, ông D.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ DANH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Chí Tâm

2. Bà Lê T1hị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Minh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận *tham gia phiên tòa:* Ông Lê Viễn Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận xét xử công khai vụ án thụ lý số 29/2020/TLST-HNGĐ về việc "ly hôn" ngày 09/01/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/3/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị N , sinh năm 1966 (Có mặt)

Địa chỉ: Đường D, Phường L, quận P, Thành phố Hồ Chí Danh

2. *Bị đơn:* Ông Đinh Thanh D, sinh năm 1968 (Có mặt)

Địa chỉ: Đường D, Phường L, quận P, Thành phố Hồ Chí Danh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/12/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Bà N và ông Đinh Thanh D tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 26/01/2000. Trong quá trình sống chung, có nhiều lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhưng đã cố gắng vượt qua. Tuy nhiên những năm gần đây mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nguyên nhân do sự khác nhau về tính cách, quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng không còn tình cảm với nhau, tuy sống chung nhà nhưng đã ly thân, mạnh ai nấy sống. Cuộc sống không bình yên, do đó, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông D.

Về con chung: 02 con tên Đinh Lê T1, sinh ngày 23/10/2000 (đã trưởng thành) và trẻ Đinh Lê T2, sinh ngày 03/8/2003, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ T2 đến khi trẻ đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N yêu cầu ông D cấp dưỡng theo khả năng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết

Theo bản tự khai đề ngày 14/01/2020 và trong quá trình xét xử, bị đơn ông Đinh Thanh D trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà N về thời gian kết hôn, thời gian chung sống. Ông thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống khác nhau. Cách đây 02 năm ông phát hiện bà N có tình cảm với người khác, dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm và không có khả năng hàn gắn. Hiện nay vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không ai can thiệp vào cuộc sống của ai. Nay bà N yêu cầu ly hôn, ông chưa đồng ý, vì ly hôn bây giờ sẽ ảnh hưởng không tốt đến tâm lý của các con. Nguyện vọng của ông D là đợi đến khi trẻ T2 đủ 18 tuổi, vợ chồng mới ly hôn. Nay, bà N yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý.

Về con chung: 02 con tên Đinh Lê T1, sinh ngày 23/10/2000 (đã trưởng thành) và trẻ Đinh Lê T2, sinh ngày 03/8/2003, Trong trường hợp Tòa chấp nhận cho ly hôn thì nguyện vọng ông D mong muốn được nuôi trẻ T2 và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về con chung, giao bà N trực tiếp nuôi dưỡng các trẻ; về tài sản chung và nợ chung đôi bên tự thỏa thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận nhận định:

[2] *Về quan hệ hôn nhân*:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 11, quyển số 01/2000 của UBND phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Danh cấp ngày 26/01/2000, thể hiện hôn nhân giữa bà Lê Thị N và ông Đinh Thanh D là hợp pháp.

Xét thấy, vợ chồng phải yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, nhưng trong cuộc sống vợ chồng giữa bà N và ông D không còn sự chia sẻ lẫn nhau dẫn đến nhiều mâu thuẫn phát sinh không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc bà N yêu cầu ly hôn vơi ông D để ổn định cuộc sống là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: 02 con tên Đinh Lê T1, sinh ngày 23/10/2000 (đã trưởng thành) và trẻ Đinh Lê T12, sinh ngày 03/8/2003. Trẻ T2 gần 17 tuổi, đã có nhận thức nhất định, xét thấy cần tôn trọng ý kiến của trẻ. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao trẻ T2 cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của trẻ được quy định Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc bà N yêu cầu ông D cấp dưỡng theo khả năng.

[5] Về tài sản chung: Đôi bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Lê Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 và 85 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 17 Luật phí và lệ phí năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lê Thị N ly hôn với ông Đinh Thanh D.

2. Về con chung: 02 con tên Đinh Lê T1, sinh ngày 23/10/2000 (đã trưởng thành) và trẻ Đinh Lê T12, sinh ngày 03/8/2003.

2.1. Giao trẻ Đinh Lê T12 cho bà Lê Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc bà N yêu cầu ông D cấp dưỡng theo khả năng.

Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở ông thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của con chung, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị N phải chịu số tiền án phí là 300.000 *(Ba trăm ngàn)* đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 *(Ba trăm ngàn)* đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0042552 ngày 08/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Danh; bà N đã nộp đủ án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q.Phú Nhuận;
- CCTHADS Q.Phú Nhuận;
- UBND P.Linh Tây, Q.Thủ Đức;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Út